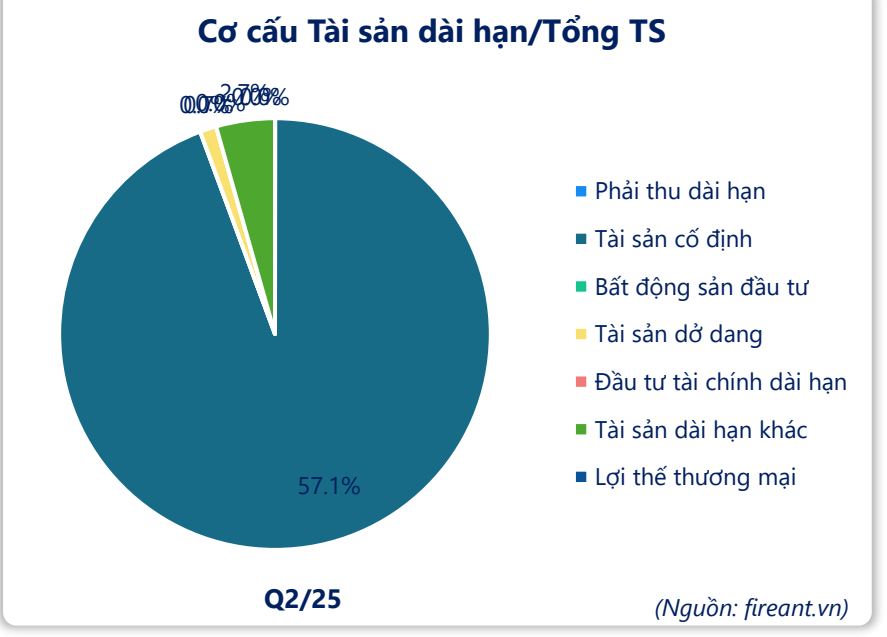
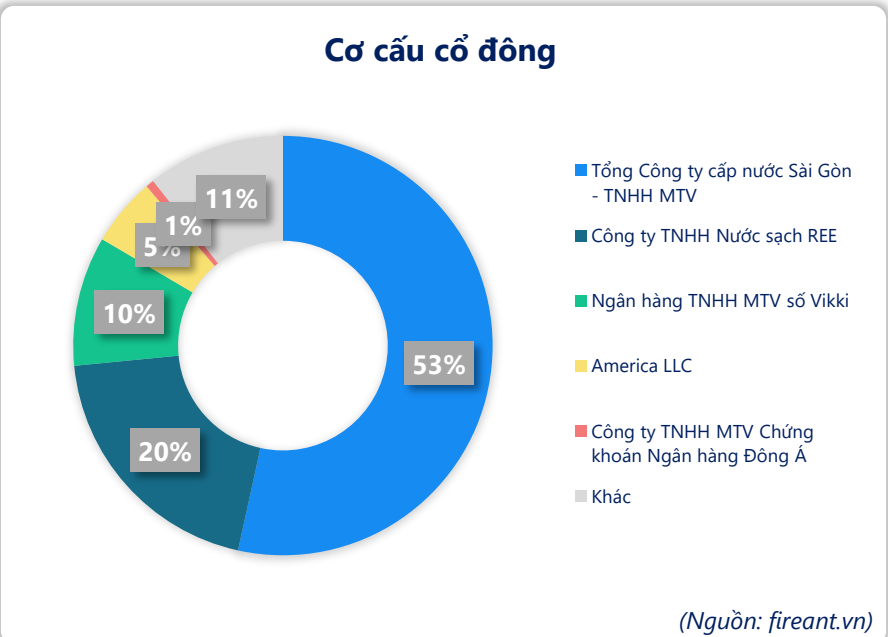
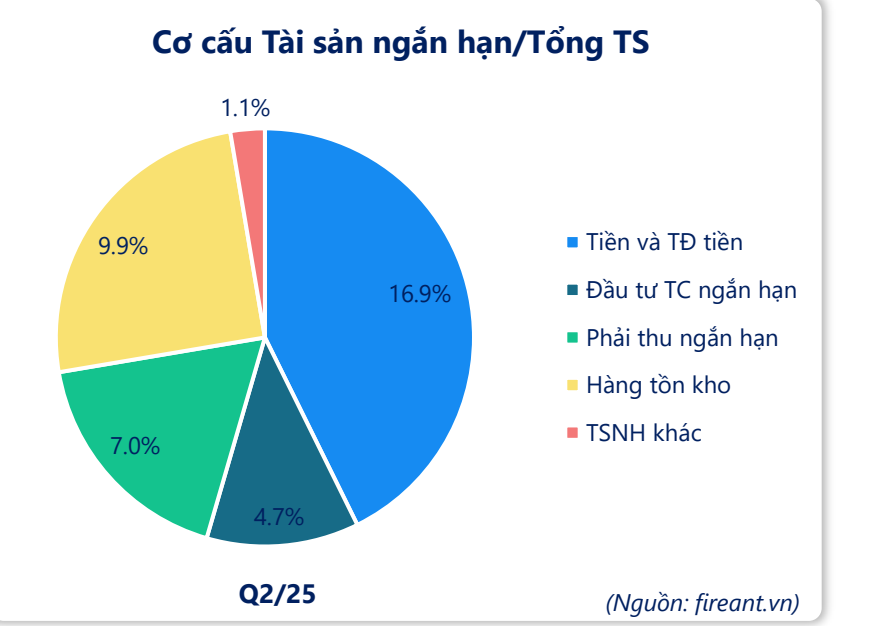
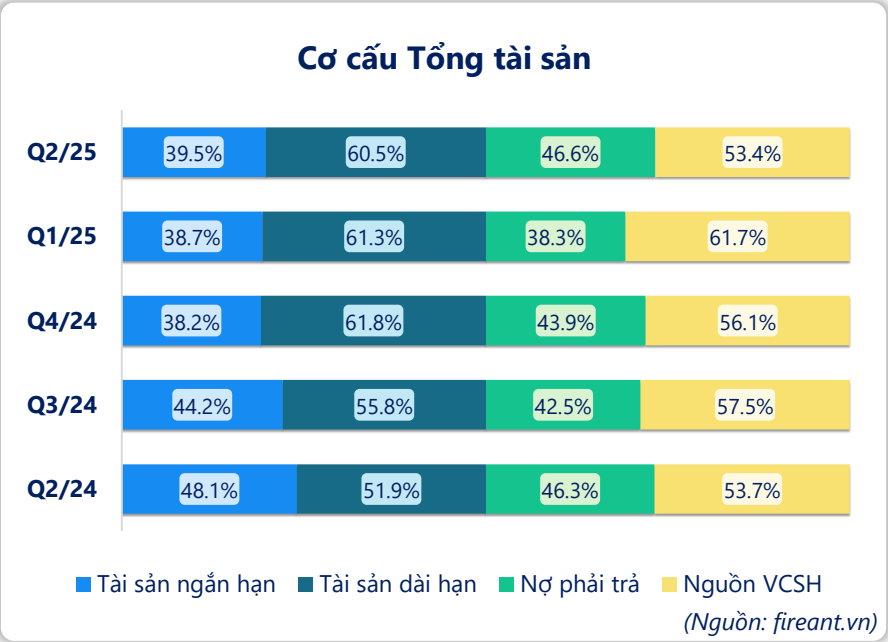
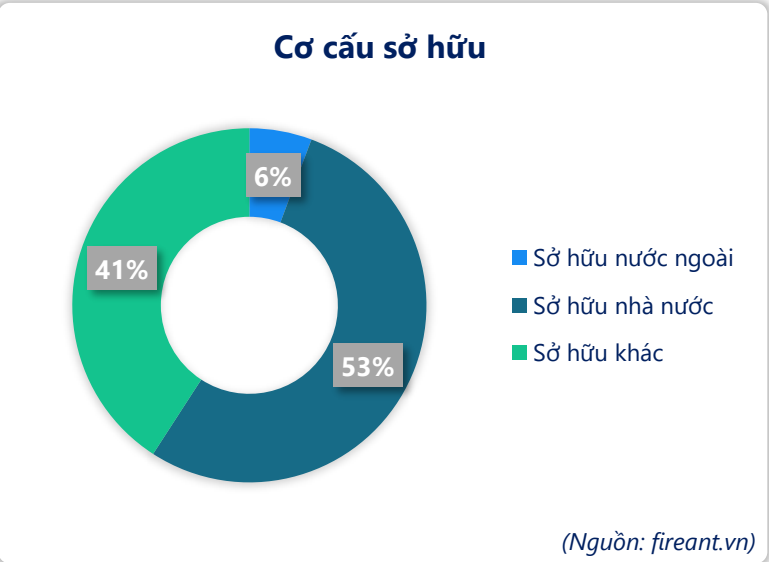
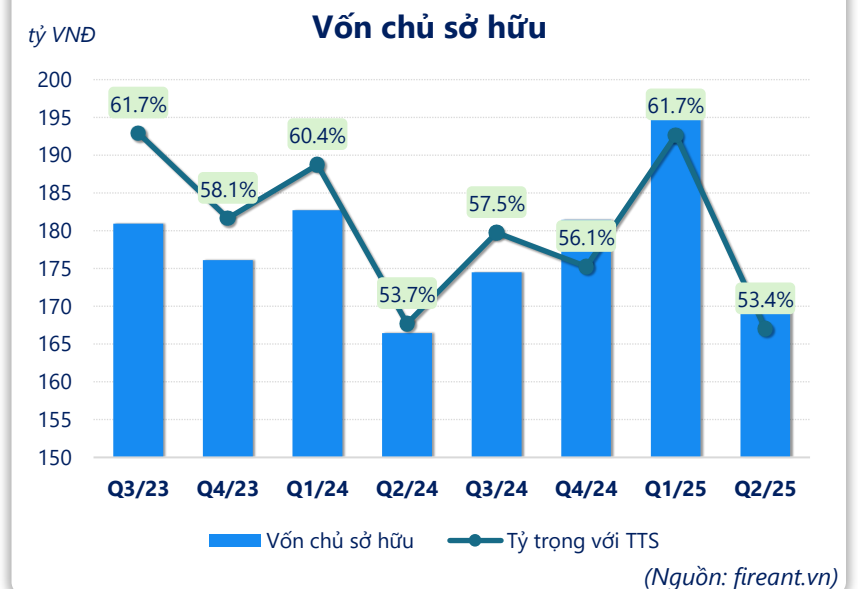
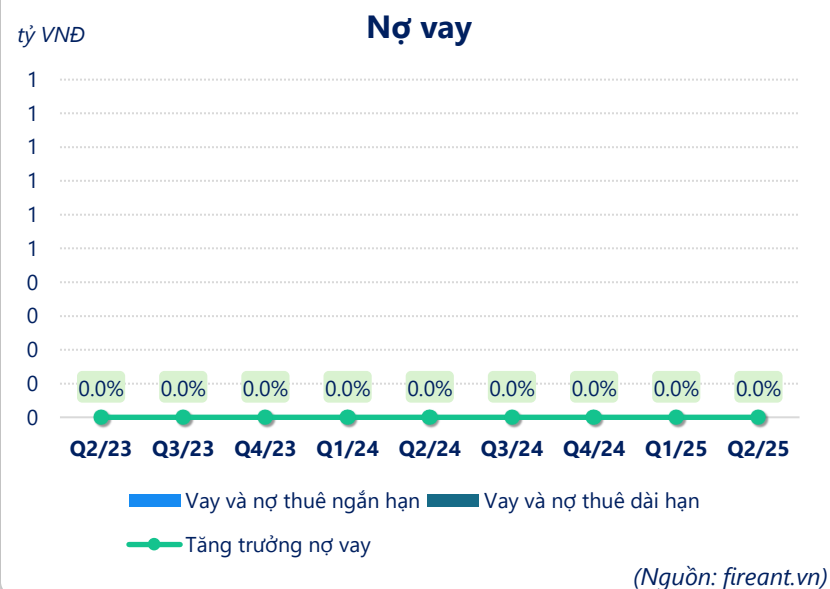
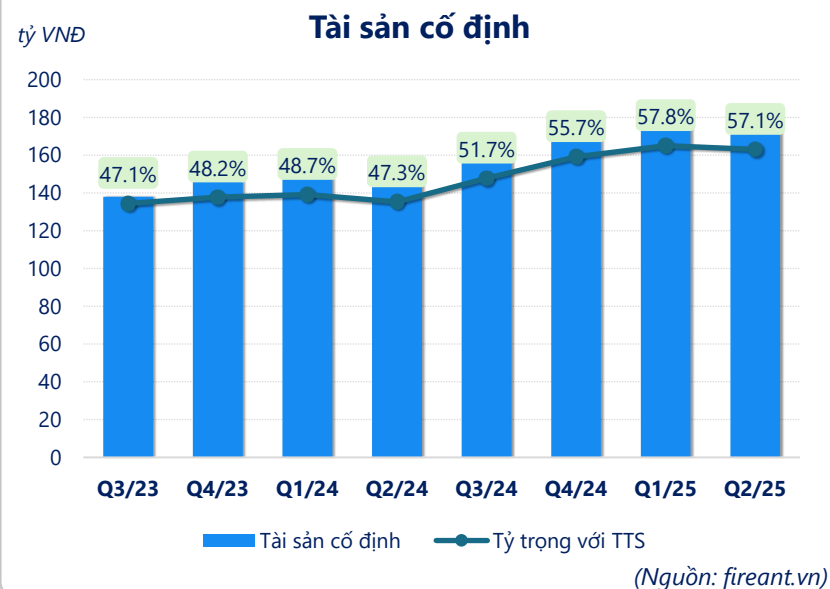
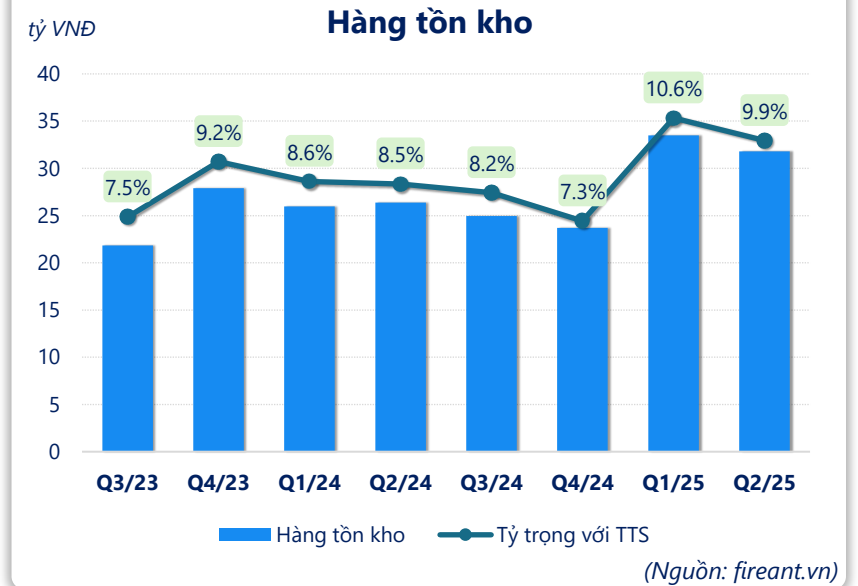
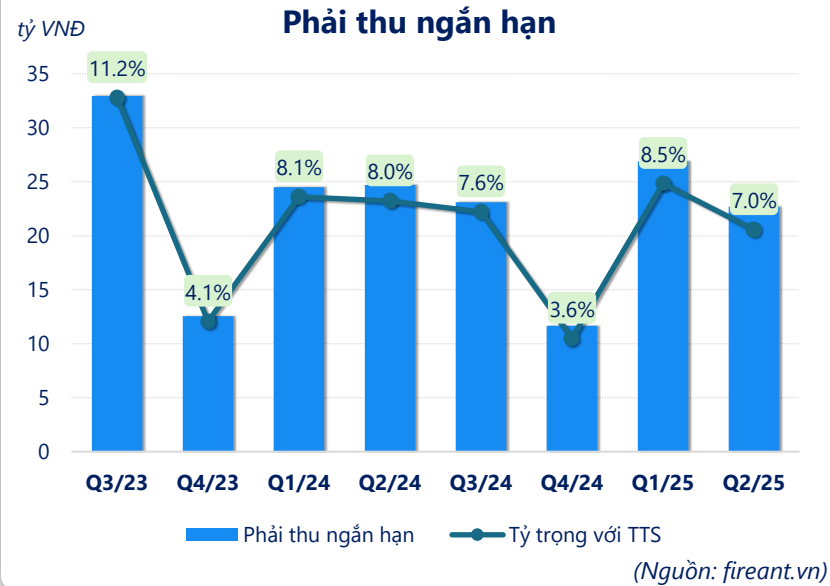
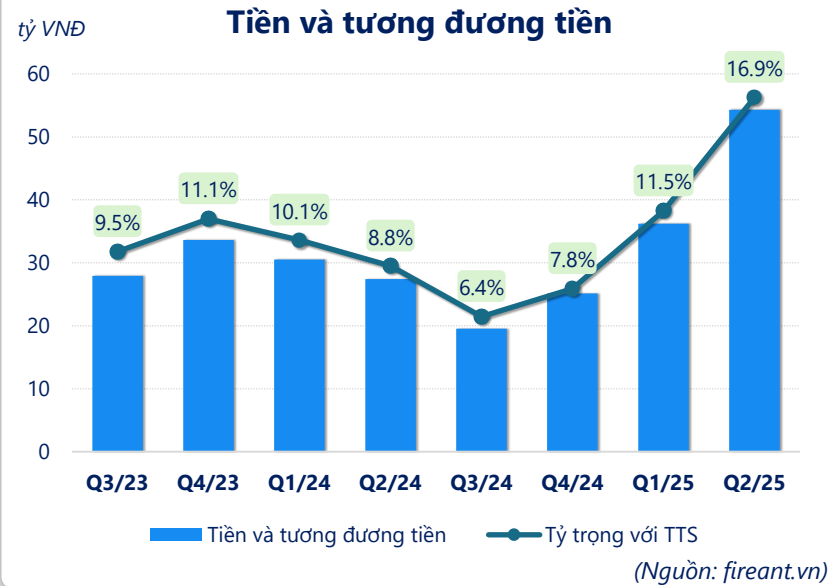
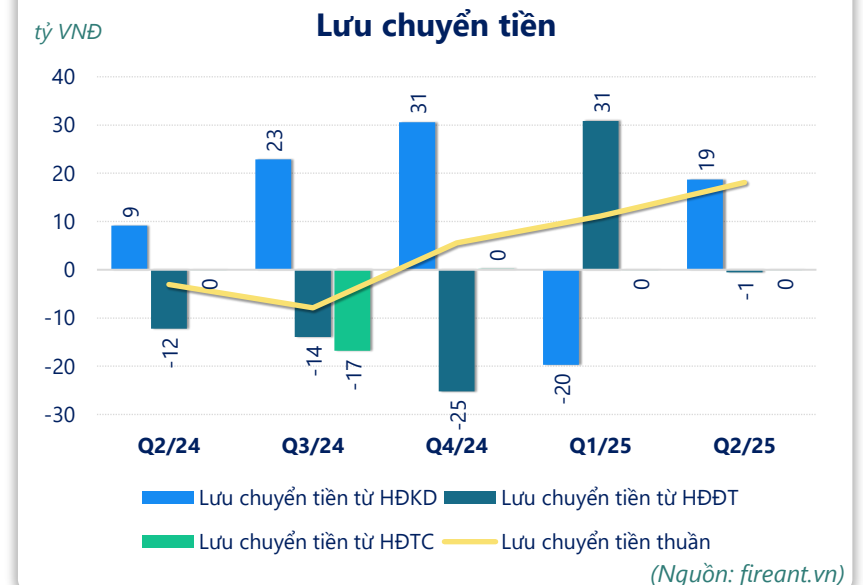
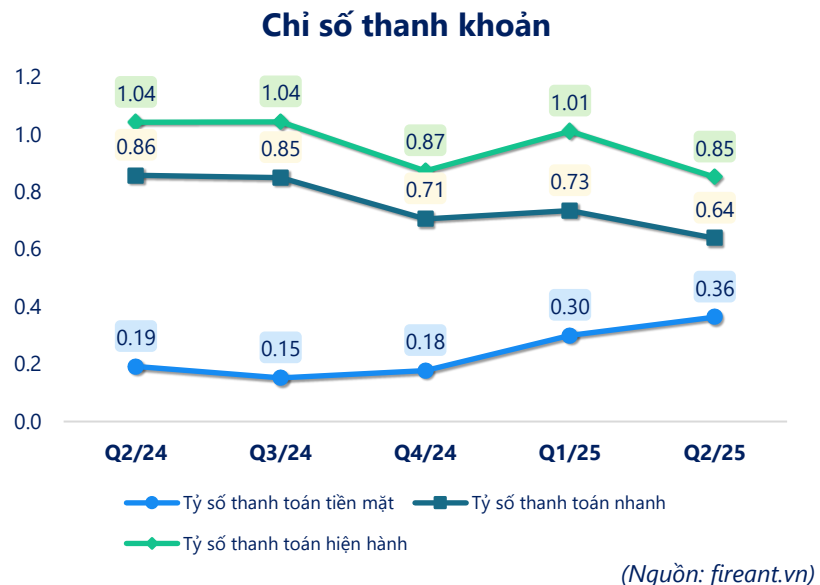
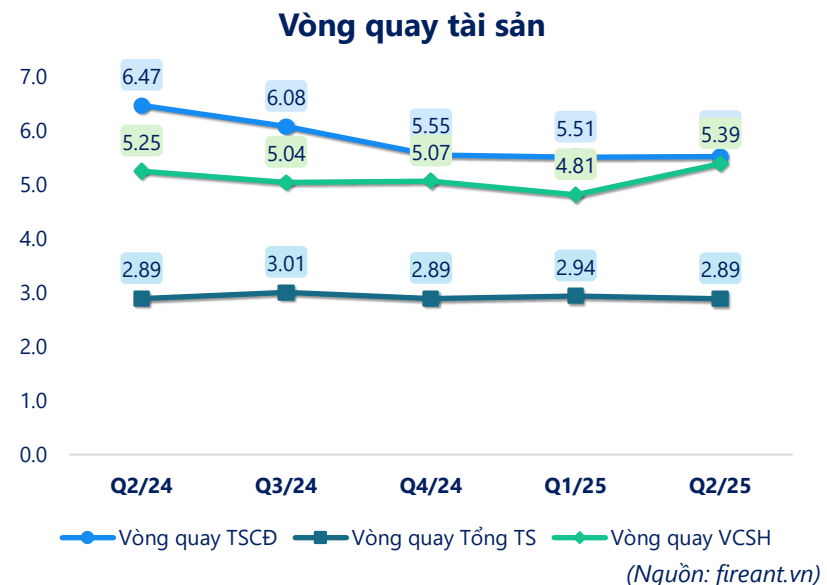
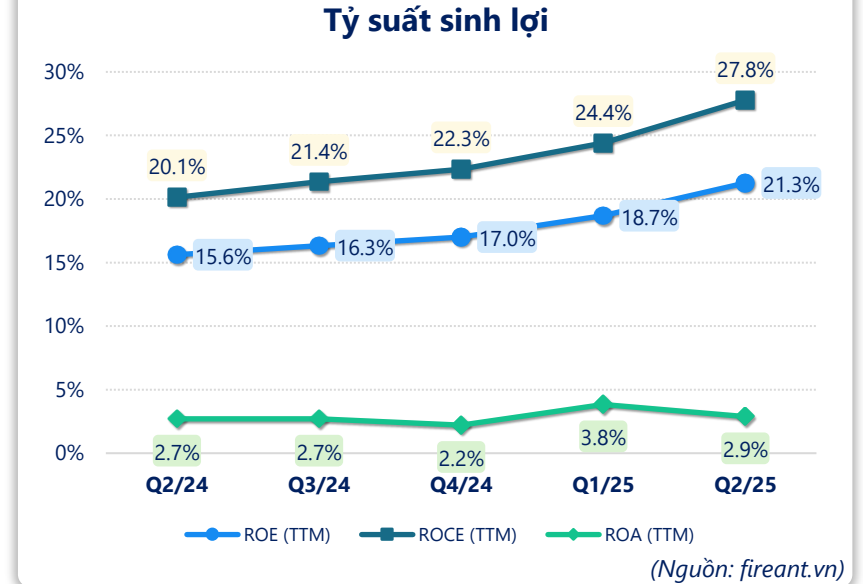
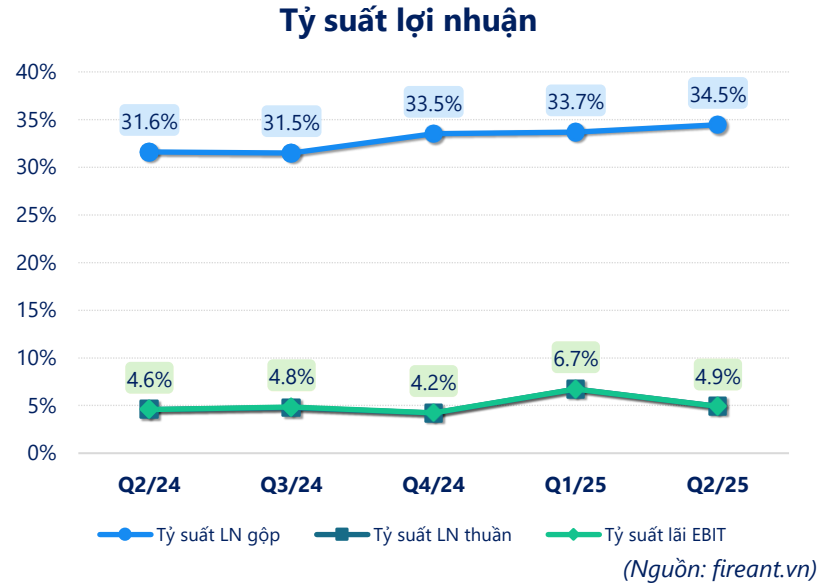
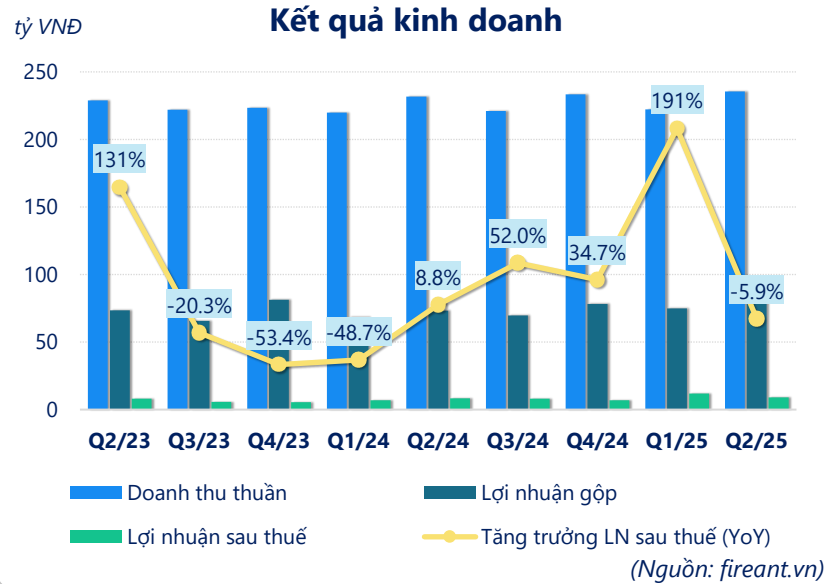


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		33,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		38,579
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		25,401
SL cổ phiếu LH		10,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		240
% sở hữu nước ngoài		5.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		360
P/E		10.0
EPS		3,301

	YTD	1T	3T	6T
NBW	13.7%	1.9%	3.8%	14.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	322	325	-1.1%
Tài sản ngắn hạn	127	126	0.9%
Tiền và tương đương tiền	54.3	25.1	116%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.0	60.0	-75.0%
Phải thu ngắn hạn	22.7	11.7	94.3%
Hàng tồn kho	31.8	23.7	34.1%
Tài sản ngắn hạn khác	3.39	5.60	-39.6%
Tài sản dài hạn	195	199	-2.3%
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.0%
Tài sản cố định	184	180	1.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.40	9.31	-74.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.57	9.73	-12.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	150	143	5.1%
Nợ ngắn hạn	150	142	5.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	69.1	94.0	-26.5%
Nợ dài hạn	0.33	0.33	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	172	183	-5.9%
Vốn chủ sở hữu	172	183	-5.9%
Vốn điều lệ	109	109	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	232	221	233	222	235
Giá vốn hàng bán	158	151	155	147	154
Lợi nhuận gộp	73.2	69.6	78.2	74.9	81.1
Doanh thu HĐTC	1.09	0.59	0.59	0.16	0.42
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	45.8	42.8	43.5	35.4	50.5
Chi phí QLDN	17.9	16.8	25.5	24.6	19.4
LN thuần từ HĐKD	10.6	10.6	9.83	14.9	11.6
Lợi nhuận khác	0.02	0.10	0.05	0.01	-0.01
LN trước thuế	10.6	10.7	9.88	15.0	11.6
Lợi nhuận sau thuế	8.42	8.07	6.92	11.9	9.13
LNST của CĐ cty mẹ	8.42	8.07	6.92	11.9	9.13

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.17	22.9	30.6	-19.7	18.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.2	-13.9	-25.2	30.9	-0.56
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	-16.8	0.22	0.00	-0.02
Tiền đầu kỳ	30.5	27.4	19.5	25.1	36.2
Lưu chuyển tiền thuần	-3.07	-7.89	5.59	11.1	18.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	27.4	19.5	25.1	36.2	54.3

(Nguồn: fireant.vn)